

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định hoạt động Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị Quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025, của bộ chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022, quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 15/2024/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 11 năm 2024, quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT, ngày 17 tháng 09 năm 2021, quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch Chiến lược phát triển của Trường 2025-2030 được thông qua tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐT của Hội đồng Trường ĐHSP Hà Nội ban hành ngày 01/10/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học và Công nghệ.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế cho Quyết định 432/QĐ-ĐHSPHN ban hành ngày 02 tháng 02 năm 2021.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch Tài chính, Tổ chức Cán bộ, Hành chính Đối ngoại, Đào tạo, Sau đại học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KH&CN.



**PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

## QUY ĐỊNH

**Hoạt động Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo**

**Ban hành kèm theo Quyết định số: 5211/QĐ-ĐHSPHN,  
ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

Hà Nội, 2025

## MỤC LỤC

<b>Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ .....	1
Điều 3. Vị trí, vai trò của hoạt động KH, CN&ĐMST.....	4
Điều 4. Mục tiêu của hoạt động KH, CN&ĐMST .....	5
Điều 5. Nội dung hoạt động KH, CN&ĐMST .....	5
Điều 6. Tài chính cho hoạt động KH, CN&ĐMST .....	6
Điều 7. Nội dung quản lí, tổ chức hoạt động KH, CN&ĐMST .....	6
Điều 8. Căn cứ xây dựng Quy định hoạt động KH, CN&ĐMST.....	7
<b>Chương II: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO .....</b>	<b>7</b>
Điều 9. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội .....	7
Điều 10. Nhiệm vụ của Hiệu trưởng trong quản lí hoạt động KH, CN&ĐMST.....	8
Điều 11. Nhiệm vụ của Phòng KHCN trong quản lí hoạt động KH, CN&ĐMST.....	8
Điều 12. Nhiệm vụ của các tổ chức tư vấn của Trường trong quản lí hoạt động KH, CN&ĐMST .....	9
Điều 13. Nhiệm vụ của một số đơn vị chức năng trong quản lí hoạt động KH, CN&ĐMST .....	9
Điều 14. Nhiệm vụ của các Khoa, Bộ môn, Viện, Trung tâm trong quản lí hoạt động KH, CN&ĐMST .....	11
Điều 15. Nhiệm vụ của các đơn vị khác trong Trường tham gia ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu KH, CN&ĐMST .....	13
Điều 16. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ nhiệm đề tài, dự án .....	13
Điều 17. Quỹ Phát triển KH, CN&ĐMST của Trường .....	15
<b>Chương III: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO .....</b>	<b>15</b>
Điều 18. Định hướng phát triển KH, CN&ĐMST.....	15
Điều 19. Xây dựng kế hoạch KH, CN&ĐMST .....	16
Điều 20. Xây dựng, phê duyệt nhiệm vụ KH, CN&ĐMST .....	16
Điều 21. Tổ chức thực hiện đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi chung là đề tài KH, CN&ĐMST) .....	18
Điều 22. Tổ chức thực hiện seminar, hội thảo khoa học các cấp .....	19
Điều 23. Quản lí, sử dụng tài chính, tạm ứng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH, CN&ĐMST .....	19
Điều 24. Quản lí hợp đồng KH, CN&ĐMST .....	20
Điều 25. Quản lí hồ sơ, sản phẩm của nhiệm vụ KH, CN&ĐMST.....	20

Điều 26. Sở hữu trí tuệ, phát triển, khai thác và chuyển giao kết quả KH, CN&ĐMST .....	20
Điều 27. Xây dựng các nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh.....	20
Điều 28. Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu KH, CN&ĐMST .....	21
<b>Chương IV: HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN ..</b>	<b>21</b>
Điều 29. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên .....	21
Điều 30. Quyền hạn và trách nhiệm của giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học .....	22
<b>Chương V: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA NGƯỜI HỌC .....</b>	<b>23</b>
Điều 31. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học .....	23
Điều 32. Quyền của người học tham gia nghiên cứu KH, CN&ĐMST .....	24
Điều 33. Tổ chức hoạt động nghiên cứu KH, CN&ĐMST của sinh viên .....	24
Điều 34. Tổ chức các hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học khác.....	25
Điều 35. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên sau đại học ....	25
<b>Chương VI: KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM .....</b>	<b>26</b>
Điều 36. Hỗ trợ đăng bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế .....	26
Điều 37. Giải thưởng Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.....	26
Điều 38. Khen thưởng đối với cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.....	26
Điều 39. Khen thưởng đối với sinh viên và giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên .....	27
Điều 40. Xử lý vi phạm đối với việc thực hiện đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ .....	27
<b>Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>28</b>
Điều 41. Hiệu lực thi hành.....	28
Điều 42. Điều chỉnh thực hiện .....	28
Điều 43. Bổ sung, sửa đổi Quy định.....	28
<b>PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ÁP DỤNG .....</b>	<b>29</b>
<b>PHỤ LỤC 2: QUY ĐỊNH GIỜ CHUẨN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC .....</b>	<b>31</b>
<b>PHỤ LỤC 3: QUY TRÌNH TỔ CHỨC SỰ KIỆN KHOA HỌC.....</b>	<b>35</b>
Phụ lục 3.1. Quy trình tổ chức sự kiện khoa học các cấp.....	35
Phụ lục 3.2. Tờ trình về việc tổ chức sự kiện khoa học.....	36
Phụ lục 3.3. Kế hoạch tổ chức sự kiện khoa học .....	37
Phụ lục 3.4. Báo cáo kết quả tổ chức sự kiện khoa học.....	38
Phụ lục 3.5. Đề án tổ chức sự kiện khoa học quốc tế .....	39
Phụ lục 3.6. Báo cáo kết quả tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.....	40
<b>PHỤ LỤC 4: QUY TRÌNH QUẢN LÝ ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ KH, CN&amp;ĐMST ...</b>	<b>41</b>

## QUY ĐỊNH

### Hoạt động Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5211/QĐ-ĐHSPHN, ngày 26 tháng 11 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định hoạt động Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMST) trong Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Trường ĐHSP Hà Nội), bao gồm: Quy định chung; Quản lý hoạt động KH, CN&ĐMST; Tổ chức hoạt động KH, CN&ĐMST; Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên; Hoạt động NCKH của người học; Sở hữu trí tuệ (SHTT); Liêm chính học thuật; Khen thưởng và xử lý vi phạm; Điều khoản thi hành.

2. Văn bản này áp dụng đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHSP Hà Nội; các cá nhân là viên chức, nghiên cứu sinh (NCS), học viên cao học (HVCH), sinh viên (SV), học sinh thuộc Trường ĐHSP Hà Nội.

3. Hoạt động KH, CN&ĐMST của các đơn vị, cá nhân quy định tại Khoản 2 điều này được áp dụng theo các quy định của văn bản này.

##### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Khoa học* là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. *Công nghệ* là tập hợp các giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ, bao gồm cả bí quyết, được tạo ra bởi ứng dụng tri thức khoa học, kinh nghiệm để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

3. *Đổi mới sáng tạo* là hoạt động tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

4. *Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* bao gồm:

a) Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ; phát triển giải pháp xã hội, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; tư vấn, phản biện, chuyển giao tri thức phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh;

b) Chuyển hóa kết quả nghiên cứu vào chương trình đào tạo, phát triển đào tạo chất lượng cao, liên ngành, tích hợp nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo;

c) Phổ biến tri thức, công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký bản quyền hoặc bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

d) Đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ;

e) Khởi nghiệp sáng tạo;

f) Cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, địa phương để chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo;

g) Hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và hoạt động liên quan khác; Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công cụ phân tích dữ liệu trong nghiên cứu, phát triển công nghệ và quản trị đổi mới sáng tạo.

5. *Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là hình thức tổ chức công việc để giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

7. *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng tri thức khoa học để tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh, đời sống kinh tế - xã hội.

8. *Phát triển công nghệ* là quá trình vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm để thiết kế, thử nghiệm, hoàn thiện và chuẩn hóa quy trình kỹ thuật nhằm tạo ra công nghệ mới hoặc cải tiến công nghệ, phù hợp với điều kiện ứng dụng thực tiễn.

9. *Phát triển giải pháp xã hội* là việc phát triển, triển khai sáng kiến hoặc giải pháp mới nhằm giải quyết hiệu quả và bền vững vấn đề xã hội, cộng đồng và môi trường góp phần tạo ra giá trị xã hội.

10. *Sản xuất thử nghiệm* là việc sản xuất thử sản phẩm mới trong điều kiện sản xuất thực tế nhằm kiểm soát chất lượng, chi phí và khả năng thương mại hóa trước khi triển khai sản xuất thương mại.

11. *Khởi nghiệp sáng tạo* là quá trình hình thành, phát triển mô hình kinh doanh sáng tạo dựa trên công nghệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới, do cá nhân, nhóm cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, nhằm tạo ra giá trị mới, giải quyết vấn đề thị trường hoặc kinh tế - xã hội.

12. *Dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động khoa học, công nghệ, hoạt động đổi mới sáng tạo, hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

13. *Hỗ trợ đổi mới sáng tạo* là hoạt động cung cấp nguồn lực, dịch vụ cho đổi mới sáng tạo, bao gồm: SHTT, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hạ tầng kỹ thuật, không gian làm việc, pháp lý, thông tin thị trường, tài chính, thương mại, truyền thông, kết nối đầu tư và hỗ trợ cần thiết khác.

14. *Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo* là hoạt động quy định tại khoản 13 Điều này để cung cấp nguồn lực, dịch vụ cho khởi nghiệp sáng tạo.

15. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

16. *Trung tâm nghiên cứu và phát triển* là tổ chức chuyên thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được công nhận theo tiêu chí năng lực và kết quả hoạt động.

17. *Trung tâm đổi mới sáng tạo* là tổ chức thực hiện, hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, được công nhận theo tiêu chí năng lực và kết quả hoạt động.

18. *Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp triển khai mô hình kinh doanh sáng tạo, có khả năng tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường dựa trên khai thác hiệu quả công nghệ, quyền SHTT, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới.

19. *Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia* là hệ thống số hóa phục vụ quản lý nhà nước, theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả và hiệu quả triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên phạm vi toàn quốc.

20. *Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là hạ tầng số phục vụ lưu trữ, chia sẻ, phổ biến, khai thác và sử dụng công khai kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân trong xã hội.

21. *Hệ thống đổi mới sáng tạo* là tổng thể các chủ thể và mối liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, tổ chức trung gian, cơ quan nhà nước, cộng đồng và hệ thống thiết chế để thúc đẩy việc tạo ra hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chất lượng cuộc sống.

22. *Đề tài/nhiệm vụ* là một hình thức tổ chức NCKH do cá nhân hoặc một nhóm người thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định nhằm giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể.

23. Đề tài/nhiệm vụ trọng điểm cấp Trường được các đơn vị đề xuất hoặc Nhà trường đặt hàng nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế nghiên cứu, giảng dạy tại đơn vị, tại Trường hoặc các vấn đề xã hội đang gặp phải.

24. Dự án KH, CN&ĐMST cấp Trường là những nhiệm vụ KH, CN&ĐMST xuất phát từ kết quả của đề tài nghiên cứu, phát triển thành các sản phẩm cụ thể phục vụ cho Trường, ngành Giáo dục, phát triển kinh tế- xã hội. Dự án có thể do các đơn vị đề xuất hoặc do Trường đặt hàng.

25. Đề tài, nhiệm vụ, dự án không hoàn thành khi:

a) Bị đình chỉ trong quá trình thực hiện theo quyết định của cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt đề tài, nhiệm vụ, dự án do sai phạm hoặc không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ; hoặc

b) Có kết quả được đánh giá nghiệm thu ở mức “Không đạt” tại Hội đồng nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài, dự án và không được cơ quan quản lý có thẩm quyền gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả.

26. NCKH của SV là một trong những hoạt động chính khóa của các SV đang tham gia học tập hệ chính quy tại Trường. Hoạt động này được phát động tổ chức thường xuyên hằng năm ở cấp Khoa, Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, VIFOTEC và các cuộc thi khác trong nước và quốc tế với nhiều chủ đề về các lĩnh vực KH, CN&ĐMST.

27. Các sản phẩm SHTT do Trường thống nhất quản lý là các sản phẩm được hình thành trên cơ sở sử dụng nguồn kinh phí của Nhà nước hay hợp tác quốc tế được phân bổ thông qua Trường hoặc kinh phí tự có của Trường, sử dụng cơ sở vật chất của Trường.

28. Nhóm nghiên cứu: là tập thể các nhà khoa học xây dựng được hướng nghiên cứu khoa học chung, có mục tiêu, kế hoạch nghiên cứu cho từng giai đoạn.

29. Nhóm nghiên cứu mạnh: là nhóm nghiên cứu gồm các thành viên chủ chốt có kết quả nghiên cứu nổi bật, có mục tiêu nghiên cứu mang tính đột phá trong khoa học công nghệ, đáp ứng một số tiêu chí cụ thể.

30. Tác giả chính của bài báo là tác giả đầu tiên (first author) và liên hệ (corresponding author) ở trong một bài báo hoặc theo ghi chú về vai trò của các tác giả trong một bài báo cụ thể. Mỗi bài báo chỉ được công nhận không quá 02 tác giả chính.

31. Sách chuyên khảo là công trình khoa học trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành được đơn vị xuất bản ghi rõ trong ấn phẩm.

32. Giáo trình là tài liệu giảng dạy, học tập có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường duyệt, lựa chọn hoặc được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

33. Sách tham khảo là công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng, được các cơ sở giáo dục đại học dùng làm tài liệu tham khảo cho giảng viên và người học;

34. Sách hướng dẫn là sách được cơ sở giáo dục đại học sử dụng để hướng dẫn cho người học, hướng dẫn thực tập môn học, thực tập theo giáo trình, thực tập trong bệnh viện, thực tập trong cơ sở sản xuất; từ điển chuyên ngành.

### **Điều 3. Vị trí, vai trò của hoạt động KH, CN&ĐMST**

1. Hoạt động KH, CN&ĐMST là một trong những nhiệm vụ chính của Trường ĐHSP Hà Nội; có vai trò tiên quyết trong chiến lược phát triển nhân lực, tạo vị thế và

tầm ảnh hưởng của Trường ở trong nước và quốc tế; góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi của Trường.

2. Hoạt động KH, CN&ĐMST có vai trò quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo của Trường, đáp ứng những yêu cầu của đổi mới, hội nhập và các nhiệm vụ xã hội quan trọng của Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành.

3. Là một trong những cơ sở để đánh giá năng lực và lao động của viên chức của Trường.

#### **Điều 4. Mục tiêu của hoạt động KH, CN&ĐMST**

1. Tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới phục vụ trực tiếp hoạt động giáo dục, đào tạo trong Trường và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

2. Ứng dụng tri thức, công nghệ, phương thức, giải pháp mới phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực hoạt động khác của Trường, của ngành Giáo dục và phục vụ kinh tế - xã hội.

3. Hình thành và nâng cao năng lực NCKH, đào tạo và hợp tác quốc tế của các đối tượng nêu tại điều 1 quy định này.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo các bậc trong Trường, đặc biệt là đào tạo sau đại học (SĐH); góp phần đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và phổ thông trong thời kì hội nhập.

#### **Điều 5. Nội dung hoạt động KH, CN&ĐMST**

1. Xây dựng định hướng phát triển KH, CN&ĐMST cho từng giai đoạn, kế hoạch KH, CN&ĐMST hằng năm và giai đoạn, xây dựng chương trình, đề tài, dự án KH, CN&ĐMST mang tính chiến lược, đón đầu theo các chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành.

2. Đề xuất, tham gia tuyển chọn, triển khai, tổ chức thực hiện và quản lý các nhiệm vụ KH, CN&ĐMST các cấp, các lĩnh vực nghiên cứu. Phê duyệt, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH, CN&ĐMST cấp cơ sở.

3. Tư vấn khoa học, đặc biệt là lĩnh vực khoa học giáo dục.

4. Đề xuất xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm liên ngành và chuyên ngành.

5. Ứng dụng và chuyển giao kết quả NCKH và phát triển công nghệ thành sản phẩm giáo dục nhằm phát triển giáo dục và đào tạo ở phổ thông và đại học; sản phẩm công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

6. Viết báo cáo, bài báo khoa học công bố trên hội thảo, hội nghị, tạp chí khoa học chuyên ngành; biên soạn tài liệu, giáo trình, sách tham khảo đại học và phổ thông, sách chuyên khảo, sách giáo khoa phổ thông, sách phổ biến và hỗ trợ kiến thức, từ điển; dịch thuật và hiệu đính tài liệu khoa học; công bố các sáng tác và tác phẩm của ngành âm nhạc-mỹ thuật tại triển lãm, dự án nghệ thuật.

7. Tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học, tham gia hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước.

8. Hợp tác, liên kết hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các đơn vị trong và ngoài nước.

9. Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền SHTT, bản quyền và chuyển giao quyền SHTT theo quy định hiện hành.

10. Thực hiện việc kết hợp NCKH thông qua các đề tài, dự án với đào tạo đại học và SDH.

11. Xây dựng và quản lí hệ thống thông tin KH, CN&ĐMST của Trường.

12. Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, vệ sinh, an toàn thực phẩm, bảo hộ lao động, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm...

13. Sử dụng tiền, tài sản, giá trị tài sản trí tuệ, các nguồn thu hợp pháp của Trường để thực hiện các nhiệm vụ KH, CN&ĐMST, doanh nghiệp KH, CN&ĐMST để gắn kết Trường với cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

14. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của Trường và cán bộ trong hoạt động KH, CN&ĐMST; giữ bí mật KH, CN&ĐMST theo quy định của pháp luật.

15. Tổ chức thực hiện hoạt động KH, CN&ĐMST cho SV, HVCH và NCS; gắn NCKH với đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.

#### **Điều 6. Tài chính cho hoạt động KH, CN&ĐMST**

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động KH, CN&ĐMST

a) Kinh phí thường xuyên nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ của nhà nước cấp cho Trường; Kinh phí KH, CN&ĐMST của các bộ/ ngành và tương đương;

b) Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ các cấp (quốc gia, bộ, ngành, tỉnh, thành phố, trường đại học, doanh nghiệp);

c) Thực hiện hợp đồng NCKH và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước;

d) Tài trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài Trường;

đ) Trích từ các nguồn thu hợp pháp của Trường;

e) Huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Chi cho hoạt động KH, CN&ĐMST từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác được áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 7. Nội dung quản lí, tổ chức hoạt động KH, CN&ĐMST**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về hoạt động KH, CN&ĐMST của Trường theo các văn bản pháp quy của Nhà nước như Nghị quyết Trung ương, Luật, Nghị Định, Quyết định, Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành liên quan về hoạt động KH, CN&ĐMST.

2. Xây dựng định hướng phát triển KH, CN&ĐMST của Trường cho từng giai đoạn. Xây dựng kế hoạch KH, CN&ĐMST hằng năm và giai đoạn.

3. Triển khai hoạt động KH, CN&ĐMST, tổ chức và quản lý thực hiện nhiệm vụ KH, CN&ĐMST hằng năm và giai đoạn.

4. Quản lý và phát triển nguồn lực KH, CN&ĐMST: Nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, nguồn lực cơ sở vật chất, nguồn lực thông tin KH, CN&ĐMST và tổ chức KH, CN&ĐMST trong Trường.

5. Tổ chức huy động các nguồn tài chính khác nhau cho hoạt động KH, CN&ĐMST; quản lý, sử dụng nguồn tài chính theo nguyên tắc công khai, hiệu quả theo các quy định của pháp luật.

6. Khen thưởng, vinh danh và đề xuất khen thưởng, giải thưởng, vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, HS, SV, HVCH và NCS có kết quả hoạt động KH, CN&ĐMST xuất sắc.

7. Định kì kiểm tra, tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động KH, CN&ĐMST của Trường; xét khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH, CN&ĐMST và xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kì hằng năm, 5 năm và báo cáo đột xuất về kết quả hoạt động KH, CN&ĐMST của Trường với cơ quan quản lý trực tiếp và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 8. Căn cứ xây dựng Quy định hoạt động KH, CN&ĐMST**

1. Nội dung Quy định hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường được xây dựng căn cứ vào các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, chi tiết tại Phụ lục 1.

2. Hệ thống các văn bản pháp quy tại phụ lục này sẽ được bổ sung cập nhật mỗi khi Nhà nước có sự thay đổi để làm cơ sở pháp lý cho việc hàng năm rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định hoạt động KH, CN và ĐMST của Trường.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

#### **Điều 9. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

Trường tổ chức triển khai và tạo điều kiện để các tập thể, cá nhân thực hiện các hoạt động KH, CN&ĐMST theo quy định hiện hành của Nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.